TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/DS-ST
Ngày 20-4-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn

2. Bà Nguyễn Thụy Vân Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tố Anh – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 20/4/2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 639/2017/TLST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2018/QĐXXST-DS ngày 16/3/2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị C, sinh năm 1973; thường trú: Tổ 8, khu phố T, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1973 và ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; cùng địa chỉ: Số 5/6, khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 10/11/2017, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị C trình bày:

Do là chỗ quen biết, vào tháng 12/2013 bà có cho vợ chồng bà Nguyễn Ngọc Tr, ông Nguyễn Thanh T vay 03 lần tiền, tổng cộng là 180.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời hạn vay 03 tháng, lãi suất 3%/tháng. Khi thỏa thuận và giao nhận tiền vay chỉ có bà và bà Tr, không có mặt ông T, hai bên không làm hợp đồng vay và giấy giao nhận tiền . Đến hạn trả tiề n, bà Tr không trả cả lãi và gốc . Ngày 25/3/2014 do chưa có tiền trả nên bà Tr có viết giấy mượn tiền cho bà , trong đó có ghi rõ thời hạn trả: Tháng 10/2014 trả 50.000.000đ, tháng 02/2015 trả 50.000.000đ, tháng 4/2015 trả 50.000.000đ, tháng 6/2015 trả 30.000.000đ. Sau đó ngày 25/3/2014 bà Tr có viết tiếp giấy mượn tiền và hẹn 03 tháng trả, trong giấy mượn tiền này bà Tr có ghi tên chồng Nguyễn Thanh T nhưng ông T không ký tên bên mượn.

Ngoài ra, năm 2011 bà còn tham gia chơi một dây hụi do bà Tr làm chủ, gồm 30 phần, bà được hốt chót. Vào ngày 29/3/2014, bà Tr có viết cho bà giấy nợ hụi số tiền 102.000.000 đồng. Giấy nợ hụi này bà Tr có ghi tên ông T nhưng ông T không có ký tên. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà Tr trả nợ vay, nợ hụi, bà Tr hứa hẹn mà không thực hiện.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Tr và ông Nguyễn Thanh T phải trả cho bà số tiền vay còn nợ là 180.000.000 đồng, tiền hụi còn nợ là 102.000.000 đồng và tiền lãi của khoản tiền vay là 60.750.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Nguyễn Thanh T, chỉ yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Tr trả các khoản tiền trên.

- Đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc Tr và ông Nguyễn Thanh T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết, đồng thời yêu cầu bà Nguyễn Ngọc Tr và ông Nguyễn Thanh T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu của bà C nhưng bà Tr, ông T không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Hội đồng xét xử đã chấp hành và tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C đối với bị đơn bà Nguyễn Ngọc Tr là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê Thị C khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Ngọc Tr và ông Lê Thanh T có địa chỉ tại khu phố T, phường T, thị xã D, tỉnh Bình Dương phải trả số tiền vay và tiền hụi còn nợ. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và tranh chấp hụi" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Thanh T trả nợ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện nguyên đơn đã rút.

[3] Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì "*Thời hiệu khởi kiện….tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*". Theo giấy mượn tiền ngày 25/3/2014, bà Tr cam kết thời hạn trả nợ 03 tháng, tức là đến hết ngày 25/6/2014 bà Tr không trả nợ thì quyền lợi của bà C bị xâm phạm. Ngày 27/11/2017, bà C mới nộp đơn khởi kiện bà Tr, trong suốt quá trình tố tụng cho đến trước khi Tòa án ra bản án sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn không ai có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên Hội đồng xét xử không xem xét về thời hiệu khởi kiện.

[4] Qúa trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập bà Tr, ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải vào ngày 08/02/2018, nhưng bà Tr, ông T vắng mặt không có lý do. Bà C có đơn từ chối hòa giải nên vụ án không thể tiến hành hòa giải được, quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng yêu cầu bà Tr, ông T tham gia phiên tòa vào ngày 03/4/2018 và ngày 20/4/2018 nhưng cả hai lần bà Tr, ông T đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập được.

[6] Xét "Giấy mượn tiền" ngày 25/3/2014 và "Giấy nợ hụi" ngày 29/3/2014 có chữ ký và chữ viết của bà Tr, điều này thể hiện giữa bà C và bà T r có thỏa thuận về việc vay tiền và hụi. Theo đó, bà Tr xác nhận có nợ bà C tiền vay 180.000.000đ, hẹn 03 tháng trả và nợ tiền hụi 102.000.000đ. Bà C xác định từ khi viết giấy nợ đến nay bà Tr không trả tiền gốc, tiền lãi. Bà Tr cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đã trả nợ. Bà C khởi kiện yêu cầu bà Tr trả số tiền vay gốc còn nợ là 180.000.000đ và tiền hụi còn nợ là 102.000.000đ, Tòa án đã thông báo cho bà T r về các yêu cầu khởi kiện và niêm yết các chứng cứ do bà C cung cấp, trong đó có giấy vay nợ và giấy xác nhận nợ hụi nhưng bà Tr không có ý kiến phản bác các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định "*1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn"* ; Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường quy định nghĩa vụ của chủ hụi (họ): "*Giao phần họ cho thành viên được lãnh họ"* . Căn cứ vào "Giấy mượn tiền" ngày 25/3/2014 và "Giấy nợ hụi" ngày 29/3/2014 do bà C cung cấp là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C, buộc bà Tr phải trả cho bà C tiền nợ mà bà Tr đã xác nhận.

[7] Về tiền lãi: Do "Giấy mượn tiền" ngày 25/3/2014 không có ghi nội dung thỏa thuận về tiền lãi, do đó không có căn cứ buộc bà T r phải trả lãi vay. Tuy nhiên tại khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định: "Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số t iền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước c ông bố…". Giấy mượn tiền trên có ghi thời hạn trả nợ đối với kh oản tiền vay 180.000.000đ là 03 tháng, vì vậy sau thời hạn 03 tháng bà T không trả thì phải chịu tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định trên. Tức là bà Tr phải trả tiền lãi do chậm trả khoản tiền 180.000.000đ từ ngày 26/6/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa, bà C yêu cầu bà Tr trả số tiền lãi 60.750.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên có căn cứ chấp nhận.

[8] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị C.

[9] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được tính trên tổng số tiền phải trả cho bà Lê Thị C theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 144, 147, 228, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 305, 474 và 479 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 15 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ , hụi, biêu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị C đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

2. Buộc bà Nguyễn Ngọc Tr có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị C tổng số tiền là 342.750.000 đồng (ba trăm bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó gồm: Tiền vay gốc 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng),tiền hụi 102.000.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu đồng), lãi 60.750.000 đồng (sáu mươi triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Ngọc Tr phải chịu 17.137.500 đồng (mười bảy triệu một trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng). Hoàn trả cho bà Lê Thị C số tiền 4.284.000 đồng (bốn triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0010489 ngày 30/11/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Dĩ An.

4. Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- VKSND thị xã Dĩ An (1);
- Chi cục THADS TX. Dĩ An (1);
- Các đương sự (03);
- Lưu: VP, HS (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Mỹ Thanh